TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bố Trạch, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Số: 18/2023/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2023/TLST/HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện B, tỉnh Quảng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng đối với việc "Tranh chấp chia tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" trong vụ án: Anh Lê Huỳnh Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1944 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H; địa chỉ: Số 72 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội V; địa chỉ: Số 169 phố Đ, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Ngọc S - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B; địa chỉ: Số 35 H, tiểu khu 11, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: bà Phan Thị Minh T - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B; địa chỉ: Số 35 H, tiểu khu 11, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị D thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 12/02/2008 và Nguyễn Trần Tâm Đ, sinh ngày 14/02/2010. Sau khi ly hôn giao con Nguyễn Tuấn V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Trần Tâm Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H và chị D không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Anh Nguyễn Văn H rút yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung là thửa đất số 1177, tờ bản đồ số 12, diện tích 991 m^2, địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 129627 do Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/8/2015 mang tên Nguyễn Văn H và Trần Thị D và ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên đất. Đồng thời rút yêu cầu giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 352260 mang tên Nguyễn Văn H và Trần Thị D do UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2014 đối với thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 12, diện tích 543 m^2 , địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ Chị Trần Thị D rút một phần yêu cầu phản tố về việc phân chia thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 12, diện tích 543 m^2 , địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 352260 mang tên Nguyễn Văn H và Trần Thị D do UBND huyện B cấp ngày 29/8/2014.

Đối với các tài sản nêu trên, anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị D thoả thuận tự phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết nữa.

+ Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội V tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo Sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình của Ngân hàng chính sách xã hội V phát hành, theo diện cho vay hộ cận nghèo. Kể từ thời điểm vay cho đến ngày 02/6/2023 (ngày hòa giải), anh H, chị D còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền 40.045.000 đồng (bốn mươi triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), nợ lãi là: 45.000 đồng (bốn mươi lăm nghìn đồng). Anh H và chị D mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán 1/2 số tiền nợ nói trên, cụ thể: anh H và chị D mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền 20.022.500 đồng (hai mươi triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 22.500 đồng (hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền nợ lãi.

Nếu anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị D vi phạm bất kỳ điều khoản nào đã cam kết với Ngân hàng chính sách xã hội V theo quy định cho vay của Ngân hàng đối với vợ chồng anh chị, thì Ngân hàng chính sách xã hội V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày ban hành Quyết định này cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thoả thuận các bên đã ký kết.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn H chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 500.562 đồng (năm trăm nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002690 ngày 16 tháng 02 năm 2023, anh H đã nộp đủ án phí vụ kiện và được trả lại số tiền là 4.649.438 đồng (bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

+ Chị Trần Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.562 đồng (năm trăm nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng), được trừ vào số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002707 ngày 10 tháng 3 năm 2023, chị D đã nộp đủ án phí vụ kiện và được trả lại số tiền là 2.999.438 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự ;
- UBND xã P
(GCNKH: số 28 ngày 07/5/2007);
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu